

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sinh Chi

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXX-ST ngày 27/12/2024:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Số nhà F, T, tổ E, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Anh T1, sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà F, T, tổ E, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại: Đ, P, Trại giam H1, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh T1 đều vắng mặt và có đơn/đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Trịnh Thị T2 yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T kết hôn với anh Đỗ Anh T3 cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng P, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/12/2006 (GCNKH số: 56/2006, quyển số 01). Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T1 không tu chí làm ăn, sa vào tệ nạn ma tuý dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cự lẫn nhau. Đến ngày 08/6/2023 anh T1 bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý và bị Toà án xử phạt 33 tháng tù. Hiện anh T1 đang chấp hành án phạt tù tại trại giam H1, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Anh T1.

Về con chung: Chị Trịnh Thị T trình bày chị và anh Đỗ Anh T1 có 02 con chung là Đỗ Hoàng P1, sinh ngày 26/02/2008 và Đỗ Thiên H, sinh ngày 15/12/2009. Hiện hai con đều đang ở cùng chị T. Quan điểm của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T1 góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 17/12/2024, bị đơn anh Đỗ Anh T4 quan điểm và trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa anh và chị Trịnh Thị T như chị T trình bày là đúng. Đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau. Chị T cho rằng anh không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Gia đình hai bên có hoà giải nhưng không được. Bản thân anh cũng sa đà vào tệ nạn nên phải đi chấp hành án tại trại giam H1 khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Tú trình bày, vợ chồng có hai con chung đúng như chị T trình bày, hiện hai con ở cùng chị T. Ly hôn, anh T1 đồng ý giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh cũng nhất trí.

Về tài sản: Anh Tú xác định anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ hay vay mượn ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do anh T1 đang chấp hành án tại Trại giam H1 nên anh T1 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh.

- *Tại biên bản ghi lời khai của hai con chung là cháu Đỗ Hoàng P1, sinh ngày 26/02/2008 và cháu Đỗ Thiên H, sinh ngày 15/12/2009: Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Trịnh Thị T.*

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1; giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi*

con chung; về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết; chị T và anh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Anh T5 tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh T6 pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T1 còn sa ngã vào tệ nạn xã hội, phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi cự lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh T1, anh T1 cũng nhất trí ly hôn với chị T. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T, anh T1 là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Anh T1 đều xác nhận: vợ chồng có hai con chung là Đỗ Hoàng P1, sinh ngày 26/02/2008 và Đỗ Thiên H, sinh ngày 15/12/2009. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T1 phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh Tú nhất trí với quan điểm của chị T. Xét thấy, hiện anh T1 đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị T có việc làm và thu nhập ổn định, hơn nữa hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho hai con chung, cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Tú có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Anh T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Đỗ Hoàng P1, sinh ngày 26/02/2008 và Đỗ Thiên H, sinh ngày 15/12/2009 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Tú không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh Tú có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Anh T1 mỗi người phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chị T tự nguyện nộp cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; trả lại chị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001451 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Anh T4 quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- UBND phường Lê Hồng Phong, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị P2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị P2